

TRÍCH ĐIỀU LỆ VỀ SÁNG KIẾN CẢI TIẾN KỸ THUẬT - HỢP LÝ HÓA SẢN XUẤT VÀ SÁNG CHẾ

(Ban hành theo Nghị định 31-CP ngày 23-1-1981
của Hội đồng Chính phủ do đồng chí Tổ Hữu
Phổ Thủ tướng đã ký)

Chương 1

SÁNG KIẾN CẢI TIẾN KỸ THUẬT - HỢP LÝ HÓA SẢN XUẤT

Khái niệm

Điều 1:

1. Sáng kiến cải tiến kỹ thuật - hợp lý hóa sản xuất được công nhận theo điều lệ này là một giải pháp kỹ thuật hoặc giải pháp tổ chức sản xuất mới, có khả năng áp dụng và mang lại lợi ích thiết thực cho cơ quan, đơn vị (kể cả đơn vị kinh tế tập thể) nhận đăng ký.

2. Nội dung của sáng kiến có thể là:

a) Cải tiến kết cấu máy móc, trang bị, công cụ lao động, sản phẩm, cải tiến phương án thiết kế hoặc kết cấu các công trình xây dựng...

b) Cải tiến tính năng, công dụng, thành phần của nguyên liệu, vật liệu hoặc sản phẩm...

c) Cải tiến phương pháp khảo sát, thiết kế, công nghệ, thi công kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi, phương pháp phòng bệnh, chữa bệnh...

d) Cải tiến tổ chức sản xuất nhằm sử dụng hợp lý sức lao động, công cụ lao động, nguyên liệu, vật liệu, năng lượng, tiền vốn...

Điều 2:

Một giải pháp được công nhận là mới nếu trước ngày đăng ký, giải pháp đó:

- Chưa được cơ quan, đơn vị áp dụng hoặc có kế hoạch áp dụng trong sản xuất, công tác;

- Chưa được cơ quan quản lý cấp trên giới thiệu bằng văn bản hoặc chưa được phổ biến

trong các sách báo kỹ thuật do ngành hoặc địa phương xuất bản tới mức căn cứ vào đó có thể thực hiện ngay được;

- Chưa được cơ quan, đơn vị hoặc cơ quan quản lý cấp trên quy định thành những biện pháp thực hiện bắt buộc như tiêu chuẩn quy trình, quy phạm...

- Không trùng với nội dung của một giải pháp đã đăng ký trước.

Điều 3:

Một giải pháp có khả năng áp dụng đối với cơ quan, xí nghiệp nhận đăng ký là giải pháp đáp ứng một nhiệm vụ sản xuất, công tác và có thể thực hiện được trong điều kiện kinh tế, kỹ thuật hiện tại của cơ quan, xí nghiệp đó.

Điều 4:

Một giải pháp mang lại lợi ích thiết thực là giải pháp khi áp dụng vào sản xuất, công tác đem lại một hiệu quả kinh tế, kỹ thuật cao hơn hoặc cải thiện điều kiện làm việc, điều kiện sống, điều kiện bảo vệ sức khỏe, nâng cao an toàn lao động...

Điều 5:

Những giải pháp do cán bộ kỹ thuật hoặc cán bộ quản lý đề ra trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao, nếu có giá trị kinh tế, kỹ thuật lớn và có khả năng áp dụng rộng rãi cũng được công nhận là sáng kiến.

Chương II SÁNG CHẾ

A. Khái niệm

Điều 10 :

Sáng chế được bảo hộ theo điều lệ này là một giải pháp kỹ thuật mới, có trình độ sáng tạo, có khả năng áp dụng trong nền kinh tế quốc dân, y tế, văn hóa, giáo dục hay quốc phòng và mang lại lợi ích kinh tế - xã hội.

Điều 11 :

Giải pháp kỹ thuật được công nhận là mới nếu trước ngày nộp đơn đăng ký sáng chế, giải pháp đó hoặc các giải pháp tương tự chưa được bộc lộ công khai ở trong và ngoài nước dưới mọi hình thức đến mức căn cứ vào đó có thể thực hiện được.

Điều 12 :

Giải pháp kỹ thuật có trình độ sáng tạo phải là kết quả của lao động sáng tạo và không nảy sinh một cách hiển nhiên từ trình độ kỹ thuật hiện có trước ngày nộp đơn đăng ký sáng chế.

Điều 13 :

1. Đối tượng của sáng chế là : cơ cấu, phương pháp hay chất mới cũng như việc sử dụng cơ cấu, phương pháp hay chất đã biết theo một chức năng mới.

2. Được bảo hộ như là sáng chế :

- a) Các giống cây và giống con gia súc mới ;
- b) Các phương pháp mới về phòng bệnh, chẩn đoán bệnh và chữa bệnh cho người, súc vật hay cây trồng.

3. Những giải pháp trái với đạo đức xã hội chủ nghĩa và những giải pháp không có khả năng thực hiện không được coi là sáng chế và không được bảo hộ.

B. Bảo hộ sáng chế

Điều 14 :

1. Nhà nước bảo hộ sáng chế dưới hai hình thức : cấp bằng tác giả sáng chế hoặc cấp bằng sáng chế độc quyền.

2. Bằng tác giả sáng chế xác nhận : giải pháp kỹ thuật là sáng chế, quyền ưu tiên đối với sáng chế, quyền tác giả sáng chế và quyền sở hữu sáng chế qua Nhà nước. Người nhận bằng tác giả sáng chế được hưởng các quyền lợi, ưu đãi theo những quy định trong chương IV của điều lệ này.

3. Bằng sáng chế độc quyền xác nhận : quyền sở hữu sáng chế của chủ sáng chế, giải pháp kỹ thuật là sáng chế, quyền ưu tiên đối với sáng chế và quyền tác giả sáng chế.

4. Tác giả hoặc người thừa kế hợp pháp của tác giả có quyền lựa chọn một trong hai hình thức bảo hộ nói trên.

5. Trong thời gian có hiệu lực, bằng sáng chế độc quyền có thể được đổi thành bằng tác giả sáng chế. Bằng tác giả sáng chế không được đổi thành bằng sáng chế độc quyền.

D. Sáng chế bổ sung

Điều 34 :

1. Sáng chế bổ sung là một sáng chế hoàn thiện một sáng chế khác (gọi là sáng chế cơ bản) trước đó đã được cấp bằng tác giả sáng chế hoặc bằng sáng chế độc quyền đang còn hiệu lực và không thể sử dụng sáng chế đó khi không sử dụng sáng chế cơ bản.

2. Việc bảo hộ, thủ tục đăng ký, xét nghiệm, cấp bằng và công bố sáng chế bổ sung được tiến hành theo quy định trong chương II, mục B. C, D của điều lệ này.

Điều 35 :

1. Tác giả sáng chế bổ sung chỉ được cấp bằng tác giả sáng chế bổ sung nếu tác giả sáng chế cơ bản đã được cấp bằng tác giả sáng chế.

2. Nếu tác giả sáng chế cơ bản được cấp bằng sáng chế độc quyền thì tùy theo sự lựa chọn của người nộp đơn sáng chế bổ sung có thể được cấp bằng tác giả sáng chế bổ sung hoặc bằng sáng chế độc quyền bổ sung. Trong trường hợp này chỉ được sử dụng sáng chế bổ sung sau khi được sự đồng ý của chủ sáng chế cơ bản.

3. Nếu bằng tác giả sáng chế hoặc bằng sáng chế độc quyền cấp cho sáng chế cơ bản không còn hiệu lực vì những lý do không liên quan đến sáng chế bổ sung thì bằng cấp cho sáng chế bổ sung được coi là độc lập.

...

Chương IV

CHẾ ĐỘ KHEN THƯỞNG ĐỐI VỚI SÁNG KIẾN, SÁNG CHẾ

A - Khen thưởng cho tác giả được cấp giấy chứng nhận sáng kiến hoặc bằng tác giả sáng chế

Điều 39 :

1. Tác giả được cấp giấy chứng nhận sáng kiến hoặc bằng tác giả sáng chế có quyền nhận khen thưởng khi cơ quan xí nghiệp áp dụng sáng kiến hay sáng chế của mình. Quyền nhận tiền thưởng được phép chuyển giao cho người thừa kế theo pháp luật Nhà nước.

2. Mức khen thưởng cho tác giả được xác định trên cơ sở những lợi ích thu được do việc áp dụng sáng kiến hay sáng chế.

3. Thủ trưởng các cấp có trách nhiệm giải quyết những quyền lợi về khen thưởng cho tác giả sáng kiến hay sáng chế theo đúng quy định của điều lệ này.

Điều 40 :

1. Hình thức khen cho tác giả có thể là : giấy khen, bằng khen, các danh hiệu vinh dự... do thủ trưởng các cấp quyết định.

2. Tiền thưởng cho tác giả hoặc tập thể tác giả của một sáng kiến cao nhất không quá mười nghìn đồng (10000) và của một sáng chế cao nhất không quá năm mươi nghìn đồng (50000). Trường hợp là tập thể tác giả, các đồng tác giả tự thỏa thuận về việc sử dụng số tiền thưởng cho sáng kiến hay sáng chế của tập thể.

3. Tác giả của những sáng kiến hay sáng chế có giá trị khoa học kỹ thuật và kinh tế đặc biệt lớn được Nhà nước trao tặng các danh hiệu và giải thưởng quốc gia về khoa học kỹ thuật.

Điều 41 :

1. Cơ quan, đơn vị áp dụng đầu tiên sáng kiến hoặc sáng chế có trách nhiệm tính toán lợi ích trực tiếp thu được (hoặc tiết kiệm được) bằng tiền do việc áp dụng sáng kiến hoặc sáng chế đó đem lại.

2. Tiền thưởng cho tác giả một sáng kiến căn cứ vào số tiền làm lợi thu được trong năm áp dụng đầu tiên và được xác định theo bảng phụ lục 1 kèm theo điều lệ này.

Tiền thưởng cho tác giả một sáng chế được tính trong năm áp dụng đầu tiên. Mức thưởng trong mỗi năm căn cứ vào số tiền làm lợi thu được trong năm đó và được xác định theo mục A bảng phụ lục 2 kèm theo điều lệ này. Tổng số tiền thưởng trong cả hai năm không được vượt quá mức thưởng tối đa quy định ở điều 40 điểm 2 của điều lệ này.

3. Việc xác định tiền thưởng cho tác giả sáng kiến hay sáng chế làm thay đổi phương án thiết kế, thi công các công trình xây dựng do Ủy ban xây dựng cơ bản Nhà nước và Ủy ban khoa học và kỹ thuật Nhà nước quy định trong một thông tư liên bộ.

Điều 42 :

1. Nếu lợi ích thu được do việc áp dụng sáng kiến hay sáng chế không tính được thành tiền thì việc xác định mức thưởng cho tác giả được xem xét dựa trên các cơ sở sau đây :

a) Những lợi ích thu được về các mặt : cải thiện điều kiện lao động, điều kiện sống, điều kiện bảo vệ sức khỏe, bảo vệ môi sinh, nâng

cao an toàn lao động, tăng cường khả năng quốc phòng và an ninh quốc gia...

b) Khối lượng và phạm vi áp dụng ;

c) Giá trị về khoa học kỹ thuật ;

d) Mức độ phức tạp của nhiệm vụ được giải quyết.

2. Những lợi ích nêu ở điểm 1 của điều này phải được mô tả đầy đủ và cụ thể để làm căn cứ xét khen thưởng.

Điều 43 :

Nếu lợi ích tính được thành tiền theo điều 41 không phản ánh đầy đủ giá trị của sáng kiến hay sáng chế thì căn cứ vào ý nghĩa kinh tế, kỹ thuật và mức độ quan trọng của nhiệm vụ được giải quyết, thủ trưởng các cấp được phép nâng cao mức thưởng nhiều nhất không quá ba lần trong giới hạn phân cấp quyết định mức thưởng quy định ở điều 46 của điều lệ này.

Điều 44 :

1. Cơ quan, xí nghiệp áp dụng đầu tiên và trực tiếp thu lợi do việc áp dụng sáng kiến hay sáng chế có trách nhiệm trả thưởng cho tác giả.

2. Nếu việc áp dụng sáng kiến hay sáng chế không đem lại lợi ích trực tiếp cho cơ quan, đơn vị áp dụng đầu tiên thì cơ quan, đơn vị nào do có sáng kiến hay sáng chế đó mà thu lợi có trách nhiệm trả thưởng cho tác giả theo mức thưởng do cơ quan, đơn vị áp dụng đầu tiên xác định.

Điều 45 :

1. Trong thời hạn 2 năm đối với sáng kiến và 5 năm đối với sáng chế kể từ ngày sáng kiến hay sáng chế được áp dụng ở cơ quan, đơn vị đầu tiên, nếu sáng kiến hay sáng chế được áp dụng mở rộng ở các cơ quan, xí nghiệp khác thì tác giả được nhận tiền thưởng bổ sung.

2. Tiền thưởng bổ sung cho tác giả do các cơ quan, đơn vị áp dụng mở rộng trả. Thủ trưởng các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc Hội đồng Chính phủ hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm quyết định mức trả tiền thưởng bổ sung, tùy theo phạm vi áp dụng mở rộng là thuộc cơ quan quản lý ngành ở trung ương hay thuộc các địa phương quản lý.

Điều 46 :

Quyền hạn quyết định mức thưởng quy định như sau :

a) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được quyền quyết định mức thưởng cho tác giả sáng kiến, sáng chế cao nhất tới bậc 6 theo các bảng phụ lục 1 và 2 của điều lệ này, tùy theo sự phân cấp của bộ, ngành, ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

b) Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc Hội đồng Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được quyền quyết định mức thưởng cho tác giả sáng kiến, sáng chế từ bậc 7 đến mức tương đối đã và trong giới hạn trên có thể phân cấp quyết định mức thưởng cho các cấp quản lý thuộc ngành hoặc địa phương.

B - Các quyền lợi khác của tác giả sáng kiến sáng chế

Điều 47:

1. Tác giả sáng kiến hoặc sáng chế có quyền được tham gia vào việc thực nghiệm và áp dụng thử sáng kiến hay sáng chế của mình theo kế hoạch chung của cơ quan, đơn vị.

2. Trong những điều kiện như nhau, tác giả sáng kiến hoặc sáng chế được hưởng ưu tiên so với những người khác khi xét giải quyết các quyền lợi về đào tạo và nâng cao trình độ chuyên môn.

Thưởng khuyến khích những người hỗ trợ tác giả và những người tổ chức và áp dụng lần đầu sáng kiến, sáng chế.

Điều 48:

1. Những người được phân công giúp đỡ tác giả về mặt kỹ thuật trong quá trình nghiên cứu thí nghiệm để tạo ra sáng kiến, sáng chế được nhận tiền thưởng khuyến khích, cao nhất không quá 25% số tiền thưởng cho tác giả.

2. Những người tham gia tổ chức và áp dụng lần đầu sáng kiến hay sáng chế của cơ quan, đơn vị được nhận tiền thưởng khuyến khích, cao nhất không quá 50% số tiền thưởng cho tác giả.

3. Những người chủ động đề xuất, trực tiếp tham gia tổ chức và áp dụng lần đầu sáng kiến, sáng chế của cơ quan, xí nghiệp khác, sau khi áp dụng thành công được nhận tiền thưởng khuyến khích, cao nhất không quá 50% số tiền thưởng cho tác giả của một sáng kiến hoặc sáng chế có số tiền làm lợi tương đương.

4. Tiền thưởng khuyến khích cho những đối tượng nói trong các điểm 1, 2 và 3 của điều này được trích từ tiền làm lợi thu được do việc áp dụng sáng kiến hay sáng chế. Khi xét thưởng khuyến khích phải căn cứ vào các mặt sau đây:

a) Khối lượng và mức độ phức tạp của những công việc mà họ tham gia giải quyết.

b) Tinh thần tích cực, chủ động góp phần đẩy nhanh quá trình tạo ra và áp dụng sáng kiến, sáng chế.

Chương V

BẢO VỆ CÁC QUYỀN LIÊN QUAN ĐẾN SÁNG KIẾN VÀ SÁNG CHẾ

Điều 49:

1. Người nộp đơn đăng ký sáng kiến có quyền khiếu nại với cơ quan, đơn vị trong các trường hợp sau đây:

a) Đơn đăng ký sáng kiến không được xét công nhận theo thời hạn quy định.

b) Không đồng ý với lý do mà cơ quan, xí nghiệp nêu ra để không công nhận giải pháp đã đăng ký là sáng kiến.

2. Trong thời hạn 1 tháng kể từ ngày nhận được khiếu nại, thủ trưởng cơ quan, đơn vị có trách nhiệm nghiên cứu giải quyết và thông báo kết quả cho người khiếu nại.

3. Nếu người khiếu nại không đồng ý với kết quả giải quyết của thủ trưởng cơ quan, đơn vị thì có thể khiếu nại lên cơ quan quản lý cấp trên. Thời hạn giải quyết khiếu nại ở mỗi cấp không được quá 1 tháng kể từ ngày nhận được khiếu nại đó. Trong việc giải quyết các khiếu nại về việc đăng ký và công nhận sáng kiến, quyết định của thủ trưởng các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc Hội đồng Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là quyết định cuối cùng.

Điều 50:

1. Người nộp đơn đăng ký sáng chế có quyền khiếu nại với Ủy ban khoa học và kỹ thuật Nhà nước trong các trường hợp sau đây:

a) Không đồng ý với những lý do từ chối việc chấp nhận đơn đăng ký sáng chế.

b) Không đồng ý với những lý do không cấp bằng tác giả sáng chế hoặc bằng sáng chế độc quyền.

c) Không đồng ý với công thức sáng chế do Ủy ban khoa học và kỹ thuật Nhà nước xác lập.

2. Trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày nhận được khiếu nại, Ủy ban khoa học và kỹ thuật Nhà nước có trách nhiệm nghiên cứu, giải quyết và thông báo cho người khiếu nại. Quyết định của Chủ nhiệm Ủy ban khoa học và kỹ thuật Nhà nước là quyết định cuối cùng trong việc giải quyết khiếu nại này.

Điều 51:

1. Trong thời hạn hiệu lực của bằng, bất kỳ cơ quan, đơn vị tổ chức hay cá nhân nào cũng có quyền gửi đến Ủy ban khoa học và kỹ thuật Nhà nước phản đối việc cấp bằng tác giả sáng chế, bằng sáng chế độc quyền vì lý do vi phạm các điều kiện đề cấp bằng. Căn cứ

vào kết quả xem xét các đơn đó, Ủy ban khoa học và kỹ thuật Nhà nước có quyền quyết định hủy bỏ từng phần hoặc toàn bộ hiệu lực của bằng tác giả sáng chế hoặc bằng sáng chế độc quyền và công bố trên công báo sáng chế đồng thời thông báo cho người được cấp bằng.

2. Nếu người được cấp bằng không đồng ý với quyết định hủy bằng thì trong thời hạn 2 tháng kể từ ngày được thông báo có quyền khiếu nại với Ủy ban khoa học và kỹ thuật Nhà nước. Quyết định của Chủ nhiệm Ủy ban khoa học và kỹ thuật Nhà nước là quyết định cuối cùng về vấn đề này.

Điều 52 :

1. Tác giả được cấp giấy chứng nhận sáng kiến hoặc bằng tác giả sáng chế có quyền khiếu nại trong các trường hợp sau đây:

a) Không được tham gia vào việc thực nghiệm và áp dụng sáng kiến hay sáng chế của mình.

b) Sáng kiến hay sáng chế không được áp dụng hoặc mức độ áp dụng không đầy đủ theo yêu cầu của sản xuất, công tác.

c) Không được khen thưởng theo đúng quy định của điều lệ này.

2. Những người hỗ trợ tác giả, những người tổ chức và áp dụng lần đầu sáng kiến, sáng chế có quyền khiếu nại khi không được nhận tiền thưởng khuyến khích như quy định ở điều 48 của điều lệ này.

3. Những đơn khiếu nại nói ở các điểm 1 và 2 của điều lệ này được nộp cho thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan đến việc khiếu nại. Trong thời hạn 1 tháng kể từ ngày nhận được khiếu nại, thủ trưởng cơ quan, đơn vị phải giải quyết và thông báo kết quả cho người khiếu nại.

4. Nếu người khiếu nại không đồng ý với kết quả giải quyết của thủ trưởng cơ quan, đơn vị thì có quyền khiếu nại lên cơ quan quản lý cấp trên của cơ quan, đơn vị.

Thời hạn giải quyết khiếu nại ở mỗi cấp không được kéo dài quá 1 tháng kể từ ngày nhận được khiếu nại.

Quyết định của thủ trưởng các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc Hội đồng Chính phủ hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là quyết định cuối cùng về việc giải quyết các khiếu nại này,

BẢNG XÁC ĐỊNH MỨC TIỀN THƯỞNG CHO TÁC GIẢ CỦA MỘT SÁNG KIẾN

Phụ lục 1

Bậc thưởng	Tổng số tiền làm lợi trong 1 năm đầu tiên áp dụng sáng kiến (đồng)	Tiền thưởng cho tác giả sáng kiến (đồng)
1	Đến 200 đồng	20% tiền làm lợi
2	Từ 200 đến 500 đồng	17% + 6 đồng
3	— 500 đến 1 000 đồng	14% + 21 đồng
4	— 1 000 đến 2 000 đồng	12% + 41 đồng
5	— 2 000 đến 5 000 đồng	10% + 81 đồng
6	— 5 000 đến 10 000 đồng	8% + 181 đồng
7	— 10 000 đến 20 000 đồng	6% + 381 đồng
8	— 20 000 đến 50 000 đồng	4% + 781 đồng
9	— 50 000 đến 100 000 đồng	2% + 1 781 đồng
10	— 100 000 trở lên	1% + 2 781 đồng nhưng không quá 10 000 đồng

BẢNG XÁC ĐỊNH MỨC THƯỞNG CHO TÁC GIẢ CỦA 1 SÁNG CHẾ

Phụ lục 2

Bậc thưởng	Tổng số tiền làm lợi trong 1 năm áp dụng sáng chế (đồng)	Tiền thưởng cho tác giả sáng chế (đồng)
1	Đến 1 000 đồng	25% tiền làm lợi
2	Từ 1 000 đồng đến 2 000 đồng	20% + 50 đồng
3	từ 2 000 đồng đến 5 000 đồng	15% + 150 đồng
4	từ 5 000 đồng đến 10 000 đồng	10% + 400 đồng
5	từ 10 000 đồng đến 20 000 đồng	7% + 700 đồng
6	từ 20 000 đồng đến 50 000 đồng	5% + 1 100 đồng
7	từ 50 000 đồng đến 100 000 đồng	3% + 2 100 đồng
8	từ 100 000 đồng đến 200 000 đồng	2% + 3 100 đồng
9	từ 200 000 đồng đến 500 000 đồng	1,5% + 4 100 đồng
10	từ 500 000 đồng trở lên	1% + 6 600 đồng nhưng không quá 50 000 đồng

B – Tiền thưởng khuyến khích ban đầu cho tác giả sáng chế công vụ: từ 50 đồng đến 200 đồng cho một sáng chế nhưng không quá 50 đồng cho mỗi tác giả.

NHỮNG NGƯỜI VIẾT BÀI TRONG SỐ NÀY

- | | |
|-------------------|---|
| Hoàng Bảo Châu | – Viện trưởng Viện đông y |
| Nguyễn Văn Diễn | – Phó chủ nhiệm Công ty cây – ong và chế biến Thái Bình |
| Nguyễn Gia Thắng | – Cán bộ Ủy ban khoa học và kỹ thuật Nhà nước |
| Nguyễn Thanh Thủy | – Cán bộ Nhà máy cơ khí xay xát Hoàng Liệt |
| Nguyễn Thu | – Giám đốc Nhà máy cơ khí xay xát Hoàng Liệt |
| Nguyễn Văn Thương | – Viện trưởng Viện chăn nuôi |
| Nguyễn Vinh Tuấn | – Cán bộ Ủy ban khoa học và kỹ thuật Nhà nước |
| Mai Thời Chí | – Cán bộ Nhà máy cơ khí xay xát Hoàng Liệt |
| Nguyễn Vy | – Q. Viện trưởng Viện thổ nhưỡng – nông hóa |